

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 91/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 20/7/2017

V/v tranh chấp “*Xin ly hôn, nuôi con chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà LÊ TRẦN XUÂN VĂN

Các Hội thẩm nhân dân:

1) Ông PHAN VĂN THẬT

2) Bà TRẦN THỊ ÚT

Thư ký phiên tòa: Bà TRẦN THỊ KIM THÚY, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: ông TRẦN VĂN TRUYỀN – Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang. Tòa án nhân dân huyện C tiến hành xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 156/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2017, về tranh chấp “*Xin ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2017/QĐXX-ST ngày 13 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị TRẦN THỊ NGỌC N, sinh năm: 1986 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: số nhà 305/2, ấp 2, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre

2. Bị đơn: Anh PHAN DUY K, sinh năm: 1983 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp 12, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 10/4/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc N trình bày: Chị và anh Phan Duy K tiến tới hôn nhân vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc kéo dài. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 đến nay không hàn gắn đoàn tụ được. Hiện chị đã cùng 02 con chung về nhà cha mẹ ruột sống. Nay chị xác định giữa chị và anh K không còn tình cảm nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Phan Duy K.

Về con chung: có 02 con chung tên Phan Trần Ngọc D, sinh ngày 28/11/2009 và Phan Trần Hải Y, sinh ngày 03/11/2016 hiện do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng/cháu.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

* Bị đơn anh Phan Duy K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị N.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh Phan Duy K đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử nhưng vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật và nội dung vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký tòa án, việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định tại các Điều 28, 68, 93, 94, 95, 96, 97, 195, 196, 203, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng:

- + Về hôn nhân: chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh K

- + Về con chung: Giao con chung cho chị N nuôi, anh K cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng/cháu.

- + Tài sản chung, nợ chung: không có nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa chị Trần Thị Ngọc N và anh Phan Duy K là quan hệ tranh chấp ly hôn, nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án chị Trần Thị Ngọc N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Xét thấy yêu cầu của chị N là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xét xử vắng mặt của chị N.

[3] Bị đơn anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để xét xử lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án căn cứ vào khoản 2, Điều 227, Điều 228 xét xử vắng mặt anh Phan Duy K.

[4] Về hôn nhân: Theo lời trình bày của chị Trần Thị Ngọc N trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án thì chị và anh Phan Duy K cưới nhau năm 2009. Thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Nay tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh K.

Bị đơn anh Phan Duy K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị N.

Xét thấy, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ chị N cung cấp cho Tòa án thì hôn nhân giữa hai bên là hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 65/2009, quyển số 01 ngày 23/6/2009. Tuy nhiên, do hôn nhân xuất phát từ mai mối nên trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan

điểm sống, cuộc sống hôn nhân mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trở nên trầm trọng. Hiện tại chị và các con đã về nhà cha mẹ ruột chung sống, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay không hàn gắn đoàn tụ được. Phía anh K từ khi thụ lý giải quyết vụ án đến nay không đến dự theo giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có bản tự khai trình bày ý kiến thể hiện mong muốn đoàn tụ đối với cuộc hôn nhân này. Vì vậy, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp yêu cầu ly hôn của chị N.

[5] Về con chung: có 02 con chung tên Phan Trần Ngọc D, sinh ngày 28/11/2009 và Phan Trần Hải Y, sinh ngày 03/11/2016 hiện đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng/cháu. Xét thấy, từ năm 2016 đến nay, các con chung do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cuộc sống ổn định, sức khỏe tốt, hiện tại chị N có công việc thu nhập ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc tốt con chung. Đối với anh K từ lúc hai bên phát sinh mâu thuẫn đến nay, anh không thường xuyên đến thăm nom, chăm sóc con chung cũng không có ý kiến trình bày nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định về thể chất, học hành, sự phát triển về tinh thần, cũng như các quyền lợi khác của con chung, nghĩ nên tiếp tục giao hai cháu Phan Trần Ngọc D và cháu Phan Trần Hải Y cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với mức cấp dưỡng nuôi con mà chị N yêu cầu. Xét thấy, việc cấp dưỡng là việc đóng góp tiền hoặc tài sản khác để đáp ứng nhu cầu thiết yếu cho người được cấp dưỡng. Đây là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con chung. Tiền cấp dưỡng bao gồm những chi phí tối thiểu cho việc nuôi dưỡng và học hành của con chung. Tuy nhiên, mức cấp dưỡng mà chị N đưa ra là cao hơn so với quy định pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án, hai bên lại không thỏa thuận được về mức cấp dưỡng cụ thể. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào mức cấp dưỡng theo quy định pháp luật trên cơ sở có xem xét những chi phí tối thiểu đáp ứng nhu cầu thiết yếu cho người được cấp dưỡng để đưa ra mức cấp dưỡng phù hợp là 1.000.000 đồng/tháng/cháu.

[6] Về tài sản chung: không có.

[7] Nợ chung: không có.

[8] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị N phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm.

[9] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tại phiên tòa là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Áp dụng các Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc N

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Ngọc N được ly hôn với anh Phan Duy K;

2. Về con chung: Giao hai cháu Phan Trần Ngọc D, sinh ngày 28/11/2009 và Phan Trần Hải Y, sinh ngày 03/11/2016 cho chị Trần Thị Ngọc N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Phan Duy K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng/cháu cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, lao động được;

Anh K được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật. Không ai được cản trở quyền này.

3. Về tài sản chung: không có.

4. Về nợ chung: không có.

5. Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 14340 ngày 19/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã thi hành xong.

Anh Phan Duy K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trần Thị Ngọc N và anh Phan Duy K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- CCTHA DS huyện C;
- UBND xã L, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Trần Xuân Văn